

PHỤ LỤC 1
BẢNG DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Tờ trình số: 149/TT-T-UBND ngày 26/6/2026 của UBND xã Minh Đức)

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ-CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)/Quyết định duyệt dự án đầu tư										Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế vốn bố trí từ đầu tư án đến hết năm 2025		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến năm 2025 (số giải ngân 2024 kéo dài và 2025 là số ước)		Vốn bố trí còn thiếu so với TMBT		Nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030		
				Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định duyệt dự án đầu tư								Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Vốn CBĐT
				Số/ngày	TMBT		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Số/áng ay	TMBT											
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh			Khởi công	Hoàn thành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS huyện										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20 =13-18	21=14-19	22	23	24
			TỔNG CỘNG		1.094.160	1.094.160	-	-	-	-	-	1.094.160	-	-	-	-	-	-	-	-	1.094.160	1.094.160	65.650
A			Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang 2026-2030																				
B			KHOẢNG CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030																				
1	Giáo dục Đào tạo				107.000	107.000	-	-				107.000									107.000	107.000	6.420
1.1			Xây dựng 11 phòng (4 phòng học, khối phòng học tập 4 phòng, Khối phòng hỗ trợ học tập 1 phòng, khối phòng phụ trợ 2 phòng) và mua sắm trang thiết bị kèm theo khối tiêu học trường TH&THCS An Phú		30.500	30.500	xã Minh Đức	Xây dựng 11 phòng (4 phòng học, khối phòng học tập 4 phòng, Khối phòng hỗ trợ học tập 1 phòng, khối phòng phụ trợ 2 phòng) và mua sắm trang thiết bị	2028	2029		30.500		2028							30.500	30.500	1.830
1.2			Xây dựng 14 phòng (1 phòng học, khối phòng học tập 6 phòng, khối phòng khối phòng hỗ trợ học tập 4 phòng, khối phụ trợ 3 phòng) và 01 nhà đa năng 700 m2 đồng thời mua sắm trang thiết bị khối THCS trường TH&THCS An Phú		32.500	32.500	xã Minh Đức	Xây dựng 14 phòng (1 phòng học, khối phòng học tập 6 phòng, khối phòng khối phòng hỗ trợ học tập 4 phòng, khối phụ trợ 3 phòng) và 01 nhà đa năng 700 m2 đồng thời mua sắm trang thiết bị	2027	2028		32.500		2027							32.500	32.500	1.950
1.3			Xây dựng 6 phòng (khối phòng học tập 4 phòng, khối phòng khối phòng hỗ trợ học tập 2 phòng) và mua sắm trang thiết bị khối tiêu học trường TH&THCS Minh Đức		16.000	16.000	xã Minh Đức	Xây dựng 6 phòng (khối phòng học tập 4 phòng, khối phòng khối phòng hỗ trợ học tập 2 phòng) và mua sắm trang thiết bị	2027	2028		16.000		2027							16.000	16.000	960
1.4			Xây dựng 12 phòng (1 phòng học, khối phòng học tập 2 phòng, khối phòng hỗ trợ học tập 1 phòng, khối phụ trợ 3 phòng, khối phòng hành chính quản trị 5 phòng) và mua sắm thiết bị kèm theo trường MN An Phú		28.000	28.000	xã Minh Đức	Xây dựng 12 phòng (1 phòng học, khối phòng học tập 2 phòng, khối phòng hỗ trợ học tập 1 phòng, khối phụ trợ 3 phòng, khối phòng hành chính quản trị 5 phòng) và mua sắm thiết bị	2027	2028		28.000		2026							28.000	28.000	1.680
2	Môi trường				30.000	30.000						30.000									30.000	30.000	1.800
2.1			Xây dựng Bãi rác tập trung		30.000	30.000	xã Minh Đức	Xây dựng 01 bãi rác tập trung dạng chôn lấp, quy mô xây dựng 04 ha (bao gồm chi phí bồi thường)	2028	2030		30.000		2028							30.000	30.000	1.800
3	Giao thông, hạ tầng khu dân cư				347.160	347.160						347.160									347.160	347.160	20.830
3.1			Xây dựng đường nhựa giáp xã Tân khai đi tây QL13		120.000	120.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 9km; đường rộng 12,0m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2029	2030		120.000		2029							120.000	120.000	7.200
3.2			Xây dựng đường nhựa ĐH Minh Đức đi Tổng Lê Chân		50.000	50.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 6,2km; đường rộng 8,0m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2028	2030		50.000		2028							50.000	50.000	3.000
3.3			Xây dựng đường nhựa An Phú đi Phường Bình Long		30.000	30.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 3km; mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2028	2029		30.000		2028							30.000	30.000	1.800

3.4			Xây dựng đường nhựa Sóc Vàng đi ấp 4		60.000	60.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 7,0km; mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2028	2030		60.000		2028					60.000	60.000	3.600
3.5			Xây dựng đường nhựa ấp Chà Lon (đoạn từ cầu ông Bồn Đồng Dầu kết nối phường Tân khai)		30.000	30.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 8,0km; mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2028	2030		30.000		2028					30.000	30.000	1.800
3.6			Xây dựng đường nhựa tổ 9 ấp Chà Lon		16.000	16.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 4,0km; mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2028	2029		16.000		2028					16.000	16.000	960
3.7			Xây dựng đường BTXM rộng 5m tuyến đường tổ 7,9,13,10,20 thuộc ấp 1A		8.160	8.160	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 5,1km; đường rộng 5,0 m. Kết cấu bằng BTXM mác 200, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2027	2027		8.160		2027					8.160	8.160	490
3.8			Xây dựng đường nhựa ấp 1 đi sóc 5 xã Minh Đức (đoạn chùa Từ nghiêm)		7.600	7600	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 1,9 km; đường rộng 6,0 m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2029	2030		7.600		2029					7.600	7.600	456
3,9			Nâng cấp đường sỏi Đường tổ 4,5,7 ấp Bình Phú		7.000	7.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 1,9 km; đường rộng 6,0 m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2028	2028		7.000		2028					7.000	7.000	420
3.10			Xây dựng đường nhựa ấp Sóc Rul đi Bình Phú		10.400	10400	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 2,6 km; đường rộng 6,0 m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2028	2028		10.400		2028					10.400	10.400	624
3,11			Xây dựng đường nhựa tổ 5,6 Sóc Rul đi ấp 4		8.000	8000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 2,0 km; đường rộng 6,0 m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2028	2029		8.000		2028					8.000	8.000	480
4	Nông nghiệp và PTNT				220.000	220.000						220.000							220.000	220.000	13.200
4.1			Xây dựng Hồ Suối Đá		80.000	80.000	xã Minh Đức	Tạo cảnh quan khu vực, phục vụ tưới 175ha,	2027	2028		80.000		2029					80.000	80.000	4.800
4.2			Xây dựng Hồ Suối Trâu		80.000	80.000		Tạo cảnh quan khu vực, phục vụ tưới 130ha, cấp nước 3000m3/đêm	2028	2029		80.000		2029					80.000	80.000	4.800
4.3			Xây dựng hồ Đức Thịnh		60.000	60.000		Tạo cảnh quan khu vực, phục vụ tưới 110ha	2029	2030		60.000		2029					60.000	60.000	3.600
5	Chính trị - Xã hội				390.000	390.000						390.000							390.000	390.000	23.400
5.1			Xây dựng trung tâm hành chính - chính trị xã Minh Đức		350.000	350.000	xã Minh Đức	Xây dựng mới trung tâm hành chính chính trị UBND xã Minh Đức	2028	2030		350.000		2028					350.000	350.000	21.000
5.2			Xây dựng nhà thi đấu đa năng xã Minh Đức		40.000	40.000	xã Minh Đức	Xây dựng mới nhà thi đấu đa năng	2029	2030		40.000		2030					40.000	40.000	2.400

PHỤ LỤC 2
BẢNG DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU CHO CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Tờ trình số: 149/TT-UBND ngày 26/6/2026 của UBND xã Minh Đức)

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ-CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)/Quyết định duyệt dự án đầu tư										Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế vốn bố trí từ đầu tư án đến hết năm 2025		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến năm 2025 (số giải ngân 2024 kéo dài và 2025 là số ước)		Vốn bố trí còn thiếu so với TMĐT		Nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030		
				Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định duyệt dự án đầu tư								Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Vốn CBĐT
				Số/ngày	TMĐT		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế		Thời gian		Số/ng ấy	TMĐT										
				Số/ngày	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh				Khởi công	Hoàn thành		Số/ng ấy	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS huyện					20=13- 18	21=14- 19		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=13- 18	21=14- 19	22	23	24
			TỔNG CỘNG		237.400	237.400	-	-	10.136	-	-	237.400	-	-	-	-	-	-	-	-	237.400	237.400	12.219
A			Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang 2026-2030																				
B			KHOÍ CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030																				
1	An ninh, Quốc phòng				12.000	12.000						12.000									12.000	12.000	720
1.1			Sửa chữa Trụ sở Công an xã		6.000	6.000	xã Minh Đức	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Công an hiện tại đảm bảo yêu cầu công tác ngành Công an	2029	2030		6.000		2029							6.000	6.000	360
1.2			Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã		6.000	6.000	xã Minh Đức	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã đảm bảo công tác, sinh hoạt và trực ban	2029	2030		6.000		2029							6.000	6.000	360
2	Giáo dục Đào tạo				81.000	81.000	-	-	10.136			81.000									81.000	81.000	4.860
2.1			Nâng cấp, sửa chữa các phòng học, xây dựng hàng rào và các công trình phụ trợ khối THCS trường TH&THCS Minh Tâm	428/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND xã Minh Đức	8.000	8.000	xã Minh Đức	Sửa chữa nâng cấp phòng học, khu hiệu bộ các công trình phụ trợ khác: cổng, hàng rào, sân chơi;	2028	2028		8.000		2028							8.000	8.000	480
2.2			Xây dựng nhà đa năng 600 m2 khối THCS, Trường TH&THCS Minh Tâm		6.500	6.500	xã Minh Đức	Xây dựng nhà đa năng 600 m2	2028	2028		6.500		2028							6.500	6.500	390
2.3			Xây dựng 14 phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ và mua sắm trang thiết bị khối THCS trường TH&THCS Minh Đức	412/QĐ-UBND ngày 01/4/2026 của UBND xã Minh Đức	28.000	28.000	xã Minh Đức	Xây dựng 14 phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ và mua sắm trang thiết bị	2026	2027		28.000		2026							28.000	28.000	1.680
2.4			Xây dựng 14 phòng (8 phòng học, khối phòng học tập 4 phòng, Khối phòng hỗ trợ học tập 2 phòng), hàng rào, công trình phụ trợ và mua sắm trang thiết bị kèm theo khối tiểu học trường TH&THCS Minh Tâm	429/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND xã Minh Đức	32.500	32.500	xã Minh Đức	Điểm chính: Xây dựng 14 phòng (8 phòng học, khối phòng học tập 4 phòng, Khối phòng hỗ trợ học tập 2 phòng), hàng rào, công trình phụ trợ và mua sắm trang thiết bị	2027	2028		32.500		2027							32.500	32.500	1.950
2.5			Xây dựng 6 phòng (2 phòng học, khối phòng học tập 3 phòng, khối phòng hỗ trợ học tập 1 phòng) và mua sắm thiết bị kèm theo trường MN Minh Tâm		6.000	6.000	xã Minh Đức	Xây dựng 6 phòng (2 phòng học, khối phòng học tập 3 phòng, khối phòng hỗ trợ học tập 1 phòng) và mua sắm thiết bị	2027	2027		6.000		2027							6.000	6.000	360
3	Văn hóa				20.000	20.000						20.000									20.000	20.000	1.200
3.1			Xây dựng, Nâng cấp 6 nhà văn hóa ấp, sóc trên địa bàn xã Minh Đức		20.000	20.000	xã Minh Đức	Xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa 6 nhà văn hóa, mỗi nhà diện tích khoảng 200 m2	2029	2030		20.000		2029							20.000	20.000	1.200
4	Y tế				6.000	6.000						6.000									6.000	6.000	360
4.1			Nâng cấp sửa chữa các Trạm Y tế xã Minh Đức (bao gồm trang thiết bị Y tế)		6.000	6.000	xã Minh Đức	nâng cấp, sửa chữa sơn mới trạm y tế và mua sắm thiết bị	2029	2030		6.000		2029							6.000	6.000	360
5	Giáo thông, hạ tầng khu dân cư				84.650	84.650						84.650									84.650	84.650	5.079

5.1			Xây dựng đường nhựa áp 4 nổi xã Minh Đức	410/QĐ-UBND ngày 01/4/2026 của UBND xã Minh Đức	5.500	5.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 1,75km; mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2026	2026	5.500	2026								5.500	5.500	330
5.2			Xây dựng đường nhựa áp An Tân kết nối đường Tây QL13	409/QĐ-UBND ngày 01/4/2026 của UBND xã Minh Đức	9.000	9.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 2,7km; mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2026	2027	9.000	2026								9.000	9.000	540
5.3			Xây dựng đường nhựa áp Bình Phú đi Sóc Rul	411/QĐ-UBND ngày 01/4/2026 của UBND xã Minh Đức	7.500	7.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 2,5km; mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. Mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2026	2027	7.500	2026								7.500	7.500	450
5.4			Xây dựng đường nhựa áp 1 đi sóc 5	424/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND xã Minh Đức	7.500	7.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 2,6km; mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT. oát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2027	2028	7.500	2027								7.500	7.500	450
5.5			Xây dựng đường nhựa áp 4 vào chốt dân quân	425/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND xã Minh Đức	2.500	2.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 1,2km; mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2027	2028	2.500	2027								2.500	2.500	150
5.6			Xây dựng đường nhựa áp An Tân	426/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND xã Minh Đức	12.000	12.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 3,4km; mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2028	2030	12.000	2028								12.000	12.000	720
5.7			Xây dựng đường nhựa sóc 5 đi K4 Trại giam Tổng Lê Chân	427/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND xã Minh Đức	3.600	3.600	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 1,4km; mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2028	2029	3.600	2028								3.600	3.600	216
5.8			Xây dựng đường BTXM rộng 5m tổ ấp Chà Lon		1.600	1.600	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 1km; đường rộng 5,0 m. Kết cấu bằng BTXM mác 200, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2028	2029	1.600	2028								1.600	1.600	96
5.9			Nâng cấp mở rộng tuyến đường BTXM mở rộng 3m lên 5m tổ 3 ấp 1B		3.600	3600	xã Minh Đức	Sửa chữa đường dài 0,25km, đường tổ 3 ấp 1B rộng 5,0 m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường, mương thoát nước dài khoảng 1km tuyến đường nhựa tổ 2,3,4 ấp 1B	2028	2028	3.600	2028								3.600	3.600	216

5.10			Nâng cấp đường nhựa tổ 2,3,4,5 áp 1B kết nối Phường Hưng chiến	7.500	7.500	xã Minh Đức	Tổng chiều dài tuyến khoảng 1,5 km; đường rộng 6,0km. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2029	2029	7.500	2029	7.500	7.500	450
5.11			Xây dựng đường BTXM rộng 5m tổ 4,5, mương thoát nước tổ 4 áp 2A	1.500	1.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 5,1km; đường rộng 0,25km. Kết cấu bằng BTXM mác 200, lớp móng cấp phối đá dăm, mương thoát nước dài 0,3km tổ 4 áp 2A	2028	2028	1.500	2028	1.500	1.500	90
5.12			Nâng cấp, sửa chữa đường mương thoát nước tuyến đường tổ 5, tổ 2 áp 2A đi Chà lon	7.650	7.650	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 1,7 km; đường rộng 5,0 m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2027	2028	7.650	2027	7.650	7.650	459
5.13			Xây dựng đường BTXM rộng 5m Sóc ruộng tiếp nối đường nhựa khu Việt Kiều	1.000	1.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 0,6 km; đường rộng 5,0 m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2028	2028	1.000	2028	1.000	1.000	60
5.14			Xây dựng đường BTXM Tổ 6 áp 3	500	500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 0,3 km; đường rộng 5,0 m. Kết cấu bằng BTXM mác 200, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2028	2028	500	2028	500	500	30
5.15			Xây dựng mương thoát nước tổ 1,2,3 áp 3	2.250	2250	xã Minh Đức	Xây dựng mương thoát nước BTXM mác 200 1x1 dài 0,75km	2028	2028	2.250	2028	2.250	2.250	135
5,16			Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường tổ 1,2,3,4 áp 2 đi phường Bình Long	8.750	8750	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 3,5 km; đường rộng 6,0 m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2028	2029	8.750	2028	8.750	8.750	525
5,17			Nâng cấp mương thoát nước Tổ 6, áp Bình Phú	900	900	xã Minh Đức	Xây dựng mương thoát nước BTXM mác 200 1x1 dài 0,3km	2028	2028	900	2028	900	900	54
5,18			Nâng cấp, sửa chữa đường, mương đường thoát nước áp Phô Lô	1.800	1.800	xã Minh Đức	Chiều dài 200m, đường rộng 5,0m. Kết cấu bê tông xi măng. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc tuyến và công ngang đường.	2027	2028	1.800	2027	1.800	1.800	108
6	Năng lượng			33.750	33.750					33.750			33.750	33.750
6.1			Lắp đặt đèn chiếu sáng NLMT tuyến đường nhựa giáp áp 2A đi cầu ông Bón áp Đồng Dầu	1.500	1.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 3km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2027	2027	1.500	2027	1.500	1.500	
6.2			Lắp đặt đường điện hạ thế tổ 1 áp Đồng Dầu	650	650	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện hạ thế khoảng 1,3km phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân	2028	2028	650	2028	650	650	
6.3			Lắp đặt đường điện lưới hạ thế tổ 9 áp Chà Lon	1.500	1.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện hạ thế khoảng 3km phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân	2027	2027	1.500	2027	1.500	1.500	
6.4			Lắp đặt đèn chiếu sáng NLMT tuyến đường nhựa áp 1B đi Phường Bình Long	500	500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 1km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2027	2027	500	2027	500	500	
6.5			Lắp đặt đường điện lưới hạ thế tổ 8,9 áp 1B	750	750	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện hạ thế khoảng 3km phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân	2027	2027	750	2027	750	750	
6.6			Lắp đặt đèn chiếu sáng NLMT tuyến đường nhựa ngã tư Chín Hố đi Sóc Ruộng	650	650	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 1,3km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2027	2027	650	2027	650	650	
6.7			Lắp đặt đèn chiếu sáng NLMT tuyến đường nhựa Nhà văn hóa áp 1A đi phường Tân Khai	2.350	2.350	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 4,7km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2027	2027	2.350	2027	2.350	2.350	
6.8			Lắp đặt đèn chiếu sáng NLMT tuyến đường BTXM Sóc Ruộng	500	500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 1km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2028	2028	500	2028	500	500	
6.9			Lắp đặt đường điện lưới hạ thế đường BTXM Sóc Ruộng	500	500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện hạ thế khoảng 1km phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân	2028	2028	500	2028	500	500	

6.10		Lắp đặt đèn chiếu sáng NLMT tuyến đường tổ 3,4 ấp 1	600	600	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 1,2km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2027	2027	600	2027								600	600	
6.11		Lắp đặt đèn chiếu sáng NLMT tuyến đường tổ 1,2,3,4 ấp 2 đi phường Bình Long	1.750	1.750	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 3,5km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2028	2028	1.750	2028								1.750	1.750	
6.12		Lắp đặt đường điện lưới hạ thế tổ 5 ấp 3	500	500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện hạ thế khoảng 0,65km phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân	2028	2028	500	2028								500	500	
6.13		Lắp đặt đèn chiếu sáng NLMT tuyến đường sóc 6	1.500	1.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 3km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2028	2028	1.500	2028								1.500	1.500	
6.14		Lắp đặt đèn chiếu sáng NLMT tuyến đường nhựa trục chính tổ 6,7,8,9 ấp Bình Phú đi Sóc Rul	1.500	1.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 3km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2028	2028	1.500	2028								1.500	1.500	
6.15		Lắp đặt đường điện lưới tổ 7 ấp Bình Phú đi Sóc Rul	2.000	2.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện hạ thế khoảng 4km phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân	2028	2028	2.000	2028								2.000	2.000	
6.16		Lắp đặt đèn chiếu sáng NLMT ấp An Tân	1.500	1.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 3km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2029	2029	1.500	2029								1.500	1.500	
6.17		Lắp đặt đèn chiếu sáng NLMT đi Sóc Rul đi ấp Bình Phú	1.300	1.300	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 2,6km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2027	2027	1.300	2027								1.300	1.300	
6.18		Lắp đặt đèn chiếu sáng NLMT tổ 5,6 Sóc Rul đi ấp 4	1.000	1.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 2km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2027	2027	1.000	2027								1.000	1.000	
6.19		Lắp đặt đèn chiếu sáng NLMT tổ 2,3 Sóc Rul đi cầu Ba nông	1.000	1.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 2km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2027	2027	1.000	2027								1.000	1.000	
6.20		Dự án: Lắp đặt đèn chiếu sáng tuyến đường nhựa Sóc Vàng đi ấp 4	3.200	3.200	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 6,4km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2027	2027	3.200	2027								3.200	3.200	
6.21		Dự án: Lắp đặt đèn chiếu sáng đường nhựa ĐT752 (đoạn từ UBND xã đến cầu Sài Gòn)	6.500	6.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 13km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2027	2027	6.500	2027								6.500	6.500	
6.22		Dự án: Lắp đặt đèn chiếu sáng tuyến đường nhựa từ chợ Minh Đức đến xã Minh Đức	2.500	2.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến đường điện NLMT khoảng 5km phục vụ nhu cầu đi lại ban đêm của người dân	2027	2027	2.500	2027								2.500	2.500	